

Số: 23/2023/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 02 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 11/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN ngày 28/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ

trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi một số điều của các thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2023 và thay thế:

1. Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND.

3. Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 8, bãi bỏ khoản 9 Điều 1 Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *Nhà*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Ấp Bắc, Đài PT&THTG;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT.

10 *By*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

QUY ĐỊNH

**Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách
nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang bao gồm: đề xuất, đặt hàng, xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng; nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân tự đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh không sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh, khi có văn bản đề nghị, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm các nhiệm vụ có tính chất quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội hoặc giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi tỉnh, được thực hiện dưới các hình thức sau:

a) Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Đề án khoa học cấp tỉnh;

c) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh (đề tài lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ; đề tài lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; đề tài lĩnh vực khác);

- d) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh;
- đ) Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- e) Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh;
- g) Các hình thức khác (nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình).

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của cơ sở gồm các đề tài, dự án có quy mô nhỏ ở các sở, ngành, huyện, thị, thành được thực hiện dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc dự án sản xuất thử nghiệm cấp cơ sở.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc xây dựng đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng phải phù hợp với định hướng phát triển phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, có dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra, có dự kiến về thời gian thực hiện phù hợp và đáp ứng các tiêu chí tại khoản 1 Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

2. Trong xây dựng đề xuất đặt hàng, khuyến khích xác định tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ để làm căn cứ ưu tiên giao là chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Khoa học và công nghệ, khoản 5 Điều 29 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP trong quá trình tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

Điều 5. Tiêu chí nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất

1. Tiêu chí chung

a) Có tính cấp thiết hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng;

b) Các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học công nghệ (nhân lực khoa học và công nghệ hoặc nguồn tài chính) hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

2. Tiêu chí riêng đối với đề tài khoa học và công nghệ

a) Đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ gồm: khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp, phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến: có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng hoặc được hoàn thành ở dạng mẫu (vật liệu; thiết bị; máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi) hoặc có khả năng được cấp

bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc có khả năng được cấp bằng bảo hộ giống cây trồng;

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: Có tính mới; kết quả nghiên cứu bảo đảm tạo ra luận cứ khoa học, giải pháp cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước;

c) Đề tài trong các lĩnh vực khác phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau: Sản phẩm khoa học và công nghệ bảo đảm tính mới so với các kết quả đã được tạo ra; có công bố trong nước, quốc tế; có ý nghĩa đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

d) Không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện trong tỉnh.

3. Tiêu chí riêng đối với dự án sản xuất thử nghiệm

a) Có xuất xứ công nghệ từ: Công nghệ được chuyển giao theo hợp đồng chuyển giao công nghệ; công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra ổn định ở quy mô phòng thí nghiệm và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất công nghiệp;

c) Có khả năng huy động được nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

4. Tiêu chí riêng đối với đề án khoa học

Có kết quả nghiên cứu làm cơ sở để xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 6. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Nguyên tắc chung

a) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc các phương tiện thông tin đại chúng;

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được đánh giá thông qua Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

Việc đánh giá được tiến hành bằng phương thức chấm điểm theo các nhóm tiêu chí cụ thể theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp;

d) Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nguyên tắc tuyển chọn

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đáp ứng khoản 2, 3 Điều 29 Luật Khoa học và công nghệ.

3. Nguyên tắc giao trực tiếp

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao trực tiếp khi đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này và đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Khoa học và công nghệ.

Điều 7. Tiêu chuẩn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có con dấu và tài khoản có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước đây;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tiêu chuẩn chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong 03 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Có khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Các trường hợp đặc biệt do Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

3. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác do Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang quản lý;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Có nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 8. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh và thời hạn để các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ đến Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

2. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ và cấp thiết của đề xuất; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan; tổng hợp thành danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo từng nhóm, lĩnh vực nghiên cứu; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 9. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đột xuất

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đột xuất do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao trực tiếp để giải quyết những yêu cầu cấp bách trong công tác quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đột xuất được ưu tiên thực hiện trước các nhiệm vụ khác. Quy trình phê duyệt được tiến hành ngay khi có yêu cầu, không phụ thuộc kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm.

Điều 10. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chuyên ngành khoa học phù hợp với lĩnh vực đề xuất đặt hàng.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ có các thành viên (chủ tịch, phó chủ tịch và các ủy viên) là các nhà quản lý và cá nhân có chuyên môn phù hợp lĩnh vực đề xuất đặt hàng.

3. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định số lượng và thành phần Hội đồng phù hợp.

Điều 11. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng.

a) Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn, xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất đặt hàng: xác định tên, hình thức, mục tiêu, thời gian thực hiện, sản phẩm dự kiến đạt được và phương thức tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) của từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín; đề xuất đặt hàng được đề nghị “Không thực hiện” thì thống nhất lý do không thực hiện;

c) Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của Hội đồng tổng hợp để Hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên Hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng. Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng.

2. Trách nhiệm thành viên Hội đồng

a) Nghiên cứu tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp;

b) Gửi ý kiến nhận xét cho thư ký hành chính trước phiên họp.

Điều 12. Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ

1. Đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm

a) Tính cấp thiết, tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ;

b) Mục tiêu đặt ra rõ ràng;

c) Khả năng không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện;

d) Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống;

đ) Xuất xứ công nghệ và khả năng huy động được nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện (đối với dự án sản xuất thử nghiệm);

e) Tên; định hướng mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả; phương án tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp).

2. Đề án khoa học

a) Tính cấp thiết, tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

b) Mục tiêu đặt ra rõ ràng;

c) Khả năng không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã và đang thực hiện;

d) Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra vào việc xây dựng và hoạch định chính sách;

đ) Tên; định hướng mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả; phương án tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp).

Điều 13. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ đề xuất đặt hàng

Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ (tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được, dự kiến thời gian thực hiện, phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh, công khai Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất đặt hàng được phê duyệt và thông báo thành phần, thời gian nộp hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (<http://sokhcn.tiengiang.gov.vn>).

Mục 2

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 14. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo quy định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ

Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp cơ sở, công khai Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất đặt hàng được phê duyệt và thông báo thành phần, thời gian nộp hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (<http://sokhcn.tiengiang.gov.vn>).

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 16. Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

2. Hồ sơ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

Điều 17. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ và thông báo cho tổ chức nộp hồ sơ đối với hồ sơ không hợp lệ theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

Điều 18. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a) Hội đồng có các thành viên gồm chủ tịch, phó chủ tịch, ít nhất 02 ủy viên phản biện và các ủy viên, trong đó: Thành viên Hội đồng là chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp, tổ chức dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ, cơ quan đề xuất đặt hàng; Ủy viên phản biện là chuyên gia, nhà khoa học kinh nghiệm, chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xem xét. Trường hợp cần thiết, có thể mở rộng đối tượng thành viên Hội đồng cho phù hợp;

b) Các thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng.

2. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng

a) Đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Các thành viên Hội đồng, khách mời tham gia và Thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét, đánh giá từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định; viết nhận xét - đánh giá và luận giải cho việc đánh giá;

c) Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 19. Đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

2. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc tổ chức lấy ý kiến tư vấn độc lập đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Điều 20. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Tổ thẩm định) có các thành viên, trong đó:

a) Tổ trưởng Tổ thẩm định là đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Tổ phó Tổ thẩm định là đại diện lãnh đạo Sở Tài chính;

c) Một thành viên là đại diện lãnh đạo Phòng Quản lý khoa học, một thành viên là chuyên viên chuyên quản (Phòng Quản lý khoa học) thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;

d) Một thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Sở, một thành viên là kế toán trưởng (Văn phòng Sở) thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;

đ) Một thành viên là đại diện Phòng Quản lý Ngân sách - Tài chính hành chính sự nghiệp thuộc Sở Tài chính;

e) Ngoài các thành viên Tổ thẩm định kinh phí nêu trên, đối với dự toán các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có liên quan đến các định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ có thể mời thêm các chuyên gia thẩm định chuyên ngành và cử thư ký hành chính giúp việc cho Tổ thẩm định.

2. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định

a) Đánh giá sự phù hợp của dự toán kinh phí của nhiệm vụ (sau khi chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ) với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: Kiểm tra định mức hệ số tiền công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia (nếu có); kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện;

b) Đánh giá phương án huy động và khả năng đối ứng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp; đề xuất các văn bản cần bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết);

c) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần;

d) Báo cáo bằng văn bản cho Sở Khoa học và Công nghệ và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình thẩm định hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để xem xét, quyết định trong các trường hợp sau: thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến; những nội dung công việc của nhiệm vụ phải thực hiện mà chưa có nội dung, định mức chi theo quy định hoặc kinh phí cần chi cao hơn định mức hiện hành;

đ) Tổ trưởng và các thành viên Tổ thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

Điều 21. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, Tổ thẩm định và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công khai kết quả trên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ (<http://sokhcn.tiengiang.gov.vn>) theo quy định.

Mục 2

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 22. Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo quy định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 23. Thẩm quyền quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và công khai kết quả trên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ (<http://sokhcn.tiengiang.gov.vn>) theo quy định.

Chương IV
KÝ HỢP ĐỒNG, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH
VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Mục 1

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 24. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

Giao Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh với tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo quy định.

Điều 25. Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ về tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ được thực hiện theo Điều 6, Điều 8 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Thành phần tham gia kiểm tra

a) Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ hoặc người được lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ phân công làm Trưởng đoàn kiểm tra;

b) Một thành viên là đại diện lãnh đạo Phòng Quản lý khoa học, một thành viên là chuyên viên chuyên quản (Phòng Quản lý khoa học) thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;

c) Một kế toán của Sở Khoa học và Công nghệ;

d) Thành phần khác theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Nội dung, nguyên tắc kiểm tra, đánh giá

Nội dung, nguyên tắc kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

4. Xử lý kết quả sau khi kiểm tra, đánh giá

Xử lý kết quả sau khi kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 11 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

Điều 26. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì được quyết định điều chỉnh các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 14; Điều 16; các khoản 1, 2 và điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 18 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN. Tổ chức chủ trì phải có văn bản báo cáo những điều chỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh việc thay đổi tổ chức chủ trì, tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc thay đổi nội dung thực hiện, thời gian thực hiện và các nội dung khác ngoài các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì.

Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện không quá 24 tháng. Trường hợp không theo quy định trên Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trình tự, thủ tục điều chỉnh

Trình tự, thủ tục điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

Điều 27. Đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Để xác nhận khối lượng công việc và kinh phí thực hiện nhiệm vụ làm cơ sở cho việc triển khai các nội dung tiếp theo phải tổ chức Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo từng giai đoạn (gọi là Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ). Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ kết luận “đạt”, nhiệm vụ khoa học và công nghệ sẽ được chuyển sang thực hiện giai đoạn tiếp theo.

3. Trường hợp Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ kết luận mức “không đạt”, nhiệm vụ khoa học và công nghệ sẽ không được tiếp tục thực hiện và tiến hành các thủ tục chấm dứt hợp đồng theo Điều 22 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

Điều 28. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Đề xuất của chủ nhiệm vụ, tổ chức chủ trì hoặc ý kiến của cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì (nếu có) về việc chấm dứt thực hiện hợp đồng trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ gặp các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn và các trường hợp khách quan khác dẫn đến không thể hoàn thành và được cấp thẩm quyền chấp thuận.

3. Chấm dứt thực hiện hợp đồng khi có sự vi phạm hợp đồng: các điều kiện theo hợp đồng không được bảo đảm dẫn đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có khả năng hoàn thành; nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu theo hợp đồng đã ký kết; kinh phí bị sử dụng sai mục đích.

4. Chấm dứt thực hiện hợp đồng khi có căn cứ cho rằng chủ nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Tổ chức chủ trì không đủ năng lực tổ chức quản lý; hướng nghiên cứu bị bế tắc, không còn nhu cầu nghiên cứu.

5. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

6. Tổ chức, cá nhân bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

7. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật.

8. Căn cứ quyết định chấm dứt thực hiện hợp đồng, Sở Khoa học và Công nghệ, Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành.

Mục 2

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 29. Ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Việc ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo quy định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 30. Thẩm quyền ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng; kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ

Mục 1

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 31. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định trước khi nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu cho Sở Khoa học và Công nghệ theo Điều 33 và Điều 34 Quy định này.

2. Tổ chức chủ trì gửi hồ sơ đánh giá, nghiệm thu về Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 32. Hội đồng và Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hội đồng nghiệm thu) gồm:

a) Hội đồng nghiệm thu có các thành viên gồm chủ tịch, phó chủ tịch, ít nhất

02 ủy viên phản biện và các ủy viên, trong đó: Thành viên Hội đồng là chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp, tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, cơ quan đề xuất đặt hàng; ủy viên phản biện là chuyên gia, nhà khoa học kinh nghiệm, chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó có ít nhất 01 ủy viên phản biện đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết, có thể mở rộng đối tượng thành viên Hội đồng cho phù hợp;

b) Hội đồng nghiệm thu có thể có 01 ủy viên là người thuộc tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhưng thành viên này không được làm chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên phản biện. Cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được làm thành viên Hội đồng;

c) Sở Khoa học và Công nghệ cử 01 chuyên viên làm thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng nghiệm thu.

2. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu sản phẩm nhiệm vụ (sau đây gọi là Tổ chuyên gia) để kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm.

3. Trách nhiệm thành viên Hội đồng

a) Nghiên cứu tài liệu do Sở Khoa học Công nghệ cung cấp;

b) Gửi ý kiến nhận xét cho thư ký hành chính trước phiên họp.

Điều 33. Nội dung đánh giá và tiêu chí đối với sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng, kết quả đạt được,...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn,...);

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với hợp đồng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Tiêu chí cần đạt đối với báo cáo tổng hợp

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ;

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Tiêu chí đối với sản phẩm của nhiệm vụ

Ngoài các tiêu chí ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ cần phải đáp ứng được các tiêu chí sau:

a) Đối với sản phẩm là: mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp; độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

b) Đối với sản phẩm là: nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc Tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập;

c) Đối với sản phẩm là: kết quả tham gia đào tạo đại học, sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có tài liệu hoặc văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

Điều 34. Phương pháp đánh giá và xếp loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đánh giá của thành viên Hội đồng

a) Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng; chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: xuất sắc, đạt và không đạt. “Xuất sắc” khi một trong các tiêu chí vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” là không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng;

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá theo 03 mức sau: xuất sắc, đạt và không đạt. “Xuất sắc” khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên;

c) Đánh giá chung nhiệm vụ theo 03 mức sau: xuất sắc, đạt và không đạt.

- “Xuất sắc” khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau: Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; số lượng chủng loại sản phẩm vượt so đặt hàng; ít nhất 50% chủng loại sản phẩm theo hợp đồng vượt một trong các tiêu chí số lượng, khối lượng hoặc chất lượng so với đặt hàng;

- “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau: Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt”; ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng);

- “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

2. Đánh giá, xếp loại của Hội đồng

a) Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”;

b) Mức “Không đạt” nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt;

c) Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ không thuộc điểm a và điểm b khoản này.

3. Đối với nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá ở mức “Đạt” trở lên: Chủ nhiệm nhiệm vụ và cơ quan chủ trì có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng gửi về Sở Khoa học và Công nghệ theo khoản 3 Điều 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN.

Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc tổ chức lấy ý kiến tư vấn độc lập đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Điều 35. Xử lý, công nhận kết quả nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Xử lý kết quả nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN.

2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN.

Mục 2

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 36. Đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo quy định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 37. Thẩm quyền quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

Sở Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và công khai kết quả trên Cổng thông tin điện tử theo quy định.

Chương VI

ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 38. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư 11/2023/TT-BKHHCN ngày 26/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 và Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN ngày 28/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Điều 39. Quản lý tài chính

1. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phối hợp Sở Tài chính trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tạm ứng, thanh toán theo các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết và theo quy định của pháp luật.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quá hạn nghiệm thu hoặc quá hạn quyết toán sẽ không được tiếp tục tạm ứng kinh phí.

Điều 40. Quản lý, xử lý tài sản được hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tài sản được hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm:

- a) Tài sản được trang bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- b) Tài sản là kết quả của quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tài sản được hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 41. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh; tổ chức xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và định kỳ hàng năm hoặc đột xuất gửi báo cáo ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

2. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Tổ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội đồng đánh giá giữa kỳ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; quyết định triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; quyết định công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và các vấn đề khác có liên quan.

4. Quyết định Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; quyết định triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở; quyết định công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở và các vấn đề khác có liên quan.

5. Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào dự toán chi hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính. Chủ trì cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

6. Chủ trì và phối hợp với các bên liên quan bàn giao kết quả nghiên cứu nhiệm vụ để ứng dụng vào thực tiễn.

7. Lưu giữ hồ sơ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

Điều 42. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Cử công chức phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt triển khai; điều chỉnh kinh phí trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trên cơ sở dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ do trung ương phân bổ; Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm.

Điều 43. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức khác

1. Đề xuất các nhiệm vụ phù hợp của ngành, lĩnh vực, địa phương phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phối hợp tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp; Tổ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện; Hội đồng đánh giá giữa kỳ; Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phối hợp thực hiện trong quá trình triển khai, tiếp nhận và nhân rộng kết quả nhiệm vụ; tạo điều kiện chủ nhiệm, cơ quan chủ trì chia sẻ thông tin, dữ liệu, triển khai các nội dung liên quan nhiệm vụ.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì nhiệm vụ

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo hợp đồng đã ký.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Ký hợp đồng thực hiện và biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

5. Thực hiện chế độ báo cáo; nộp hồ sơ nghiệm thu; thanh quyết toán; đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định.

6. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ với các bên liên quan chuyên giao kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng, nhân rộng vào sản xuất và đời sống.

7. Có trách nhiệm tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến các kết quả nghiên cứu và báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 45. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về tiến độ; kết quả, sản phẩm và hiệu quả của nhiệm vụ; có phương án chuyển giao kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

2. Đề xuất, kiến nghị với tổ chức chủ trì về điều chỉnh nội dung, sản phẩm, kinh phí và tiến độ của nhiệm vụ (nếu cần).

3. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng; báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

4. Cùng tổ chức chủ trì nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

Điều 46. Trách nhiệm chuyên gia, Tổ chuyên gia và tổ chức tư vấn độc lập

1. Nghiên cứu, đánh giá hồ sơ nhiệm vụ được cung cấp.

2. Có ý kiến về những nội dung nhận xét, đánh giá, các yêu cầu cần bổ sung hoàn thiện và kiểm tra thẩm định các sản phẩm khoa học và công nghệ.

3. Lập báo cáo thẩm định sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Phải giữ bí mật thông tin về nhiệm vụ được cung cấp.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 47. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã có Quyết định triển khai trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm triển khai hoặc áp dụng theo Quy định này.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Trường hợp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện dưới các hình thức khác được áp dụng quy định về thẩm quyền, trình tự theo Quy định này, thủ tục áp dụng theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật các nhiệm vụ đó.

5. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.